

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
VĂN BẰNG HAI TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NGÀNH Y SỸ**

Lớp Y₃VB₂A₁, khoá học: 2013 - 2014 (Kỳ thi tháng 01/2015, theo Quyết định số:/QĐ-CĐYT ngày/01/2015)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCKT	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Trình thi lại
							LT	TH	TBTN			
1	Đông Tuấn	Anh	16/06/1988	Nam	Thái Nguyên	7.3	8.0	9.0	8.5	7.9	Khá	0
2	Vũ Thị Ngọc	Anh	28/03/1993	Nữ	Thái Nguyên	7.6	7.5	8.5	8.0	7.8	Khá	1
3	Phan Thị Vân	Anh	12/07/1986	Nữ	Thái Nguyên	7.5	7.5	9.0	8.3	7.9	Khá	5
4	Đồng Thị Lan	Anh	30/03/1990	Nữ	Thái Nguyên	7.2	7.0	9.0	8.0	7.6	Khá	1
5	Ma Văn	Bách	26/12/1988	Nam	Thái Nguyên	7.2	7.5	8.5	8.0	7.6	Khá	0
6	Phạm Thị Thu	Bích	06/12/1991	Nữ	Thái Nguyên	7.4	8.5	8.5	8.5	8.0	Giỏi	4
7	Hà Thị Lệ	Cành	28/08/1989	Nữ	Thái Nguyên	7.1	7.5	9.5	8.5	7.8	Khá	1
8	Hà Thị Phương	Đông	06/01/1989	Nữ	Thái Nguyên	7.0	7.5	9.0	8.3	7.7	Khá	4
9	Kim Thị	Dung	25/06/1984	Nữ	Thái Nguyên	7.2	7.5	9.0	8.3	7.8	Khá	5
10	Đông Văn	Hân	28/12/1987	Nam	Thái Nguyên	7.1	7.0	8.0	7.5	7.3	Khá	1
11	Lê Thị Lan	Hoa	04/10/1990	Nữ	Thái Nguyên	7.3	7.0	8.5	7.8	7.6	Khá	0
12	Nguyễn Thị	Hồng	10/10/1987	Nữ	Thái Nguyên	8.0	8.5	9.5	9.0	8.5	Giỏi	0
13	Lê Trọng	Huấn	15/02/1981	Nam	Thái Nguyên	7.0	8.5	8.8	8.7	7.9	Khá	5
14	Phạm Thu	Huyền	22/05/1985	Nữ	Thái Nguyên	7.0	7.0	9.5	8.3	7.7	Khá	0
15	Trần Thanh	Huyền	11/07/1991	Nữ	Thái Nguyên	6.7	7.0	8.5	7.8	7.3	Khá	5
16	Chu Văn	Kỳ	26/11/1987	Nam	Thái Nguyên	7.0	7.5	9.0	8.3	7.7	Khá	0
17	Lương Văn	Lâm	23/01/1990	Nam	Thái Nguyên	7.1	7.5	8.0	7.8	7.5	Khá	5
18	Phạm Thị Ngọc	Lan	28/08/1986	Nữ	Hà Nội	7.8	8.5	9.0	8.8	8.3	Giỏi	0
19	Ngô Thị	Lăng	24/03/1991	Nữ	Thái Nguyên	7.3	6.0	8.0	7.0	7.2	Khá	1
20	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07/11/1989	Nữ	Thái Nguyên	7.7	8.0	9.3	8.7	8.2	Giỏi	0
21	Mai Thị	Loan	03/10/1987	Nữ	Thái Nguyên	7.5	8.0	9.3	8.7	8.1	Giỏi	1
22	Ma Đình	Minh	30/09/1988	Nam	Thái Nguyên	6.4	6.5	7.0	6.8	6.6	Trung bình khá	7
23	Trần Thị	Mùi	15/10/1991	Nữ	Thái Nguyên	7.6	9.0	8.0	8.5	8.1	Giỏi	0
24	Phạm Thị	Ngọc	01/11/1986	Nữ	Thái Nguyên	7.4	9.0	9.0	9.0	8.2	Giỏi	0
25	Nguyễn Văn	Nhật	25/08/1982	Nam	Đồng Tháp	6.8	5.0	7.0	6.0	6.4	Trung bình khá	1
26	Hoàng Nhị	Quỳnh	10/09/1992	Nữ	Thái Nguyên	7.1	8.5	7.5	8.0	7.6	Khá	1

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTK	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Trình thi lại
							LT	TH	TBTN			
27	Vi Thị Nh	Quỳnh	13/10/1985	Nữ	Thái Nguyên	7.6	9.0	8.0	8.5	8.1	Giỏi	0
28	Phùng Thị Minh	Tâm	04/01/1992	Nữ	Thái Nguyên	7.3	9.0	8.0	8.5	7.9	Khá	5
29	Doãn Hoàng	Tâm	10/12/1990	Nam	Thanh Hóa	7.2	8.0	7.5	7.8	7.5	Khá	1
30	Lê Thị Minh	Tâm	19/06/1984	Nữ	Thái Nguyên	7.2	9.0	9.5	9.3	8.3	Giỏi	5
31	Vi Văn	Thắng	07/03/1992	Nam	Bắc Giang	7.4	8.0	9.5	8.8	8.1	Giỏi	0
32	Nguyễn Đức	Thanh	28/02/1983	Nam	Thái Nguyên	7.3	7.5	8.5	8.0	7.7	Khá	0
33	Vũ Thị	Thảo	05/02/1989	Nữ	Thái Nguyên	7.2	6.5	7.0	6.8	7.0	Khá	1
34	D	Thị	Thảo	Nữ	Thái Nguyên	7.5	8.0	9.5	8.8	8.2	Giỏi	0
35	Nguyễn Quang	Thịnh	05/11/1989	Nam	Thái Nguyên	7.1	8.5	9.0	8.8	8.0	Giỏi	1
36	Đoàn Thị Cẩm	Thơ	27/10/1991	Nữ	Thái Nguyên	7.1	7.0	7.5	7.3	7.2	Khá	5
37	Nguyễn Thị Minh	Thu	28/10/1991	Nữ	Thái Nguyên	6.9	7.5	7.5	7.5	7.2	Khá	5
38	Lê Văn	Thực	10/05/1987	Nam	Thanh Hóa	6.9	7.5	9.2	8.4	7.7	Khá	4
39	Hoàng Thị	Th	28/08/1988	Nữ	Bắc Kạn	7.2	9.0	9.3	9.2	8.2	Giỏi	1
40	Trần Thị	Thùy	15/03/1991	Nữ	Thái Nguyên	7.5	8.5	7.5	8.0	7.8	Khá	0
41	Nguyễn Thùy	Trang	28/09/1984	Nữ	Thái Nguyên	7.3	7.5	8.0	7.8	7.6	Khá	5
42	Nguyễn Mạnh	Tuấn	10/02/1981	Nam	Bắc Giang	7.9	7.5	9.5	8.5	8.2	Giỏi	0
43	Nguyễn Xuân	Tuyên	21/06/1984	Nam	Thái Nguyên	7.1	7.5	7.8	7.7	7.4	Khá	1
44	D	Kim	Tuyến	Nữ	Thái Nguyên	7.5	8.0	9.5	8.8	8.2	Giỏi	1
45	Vũ Trọng	Tuyển	22/12/1988	Nam	H	7.5	7.5	8.5	8.0	7.8	Khá	1
46	Trần Thị Tố	Uyên	24/10/1992	Nữ	Thái Nguyên	6.7	7.0	9.0	8.0	7.4	Trung bình khá	7

(Danh sách này có: 46 học sinh)

Ngày tháng 01 năm 2015

T/M HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CHỦ TỊCH

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Nguyễn Minh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG
ThS. Hoàng Anh Tuấn

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
VĂN BẰNG HAI TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NGÀNH Y SỸ

Lớp Y₃VB₂A₂, khoá học: 2013 - 2014 (Kỳ thi tháng 01/2015, theo Quyết định số:/QĐ-CĐYT ngày/01/2015)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTK	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Trình thi lại
							LT	TH	TBTN			
1	Nguyễn Ngọc	Ánh	25/08/1992	Nữ	Bắc Giang	7.4	8.0	9.5	8.8	8.1	Giỏi	0
2	Lê Văn	Đại	24/05/1991	Nam	Thái Nguyên	7.3	8.0	9.5	8.8	8.1	Giỏi	0
3	Hoàng Văn	Đản	05/07/1978	Nam	Thái Nguyên	7.0	7.5	8.5	8.0	7.5	Khá	0
4	Lê Ngọc	Diệu	09/10/1987	Nữ	Bắc Kạn	7.3	8.0	8.5	8.3	7.8	Khá	0
5	Nguyễn Thị	Dung	19/04/1987	Nữ	Thái Nguyên	7.5	7.5	9.3	8.4	8.0	Giỏi	0
6	Lê Thị Hồng	Giang	11/11/1990	Nữ	Bắc Thái	7.3	7.5	9.0	8.3	7.8	Khá	0
7	Đông Văn	Hạnh	05/08/1991	Nam	Thái Nguyên	6.5	7.5	8.5	8.0	7.3	Khá	4
8	Lê Thị	Hiếu	06/01/1974	Nữ	Nam Định	7.0	7.5	9.5	8.5	7.8	Khá	0
9	Trần Văn	Hiệu	18/07/1992	Nam	Bắc Giang	7.3	8.0	9.3	8.7	8.0	Giỏi	0
10	Bùi Thị Thúy	Hoa	07/07/1980	Nữ	Thái Nguyên	6.9	7.0	9.0	8.0	7.5	Khá	0
11	Trần Hoàng	Hoan	12/02/1992	Nam	Bắc Kạn	7.0	7.5	8.0	7.8	7.4	Khá	0
12	Lê Phạm	Hoan	26/05/1989	Nam	Thái Nguyên	6.6	6.5	8.5	7.5	7.1	Khá	2
13	Nguyễn Thị	Hoàn	10/07/1984	Nữ	Thái Nguyên	6.8	7.0	8.8	7.9	7.4	Khá	0
14	Phan Thanh	Hoạt	29/10/1980	Nam	Thái Nguyên	7.8	7.0	9.5	8.3	8.1	Giỏi	0
15	Đông Văn	Huân	22/10/1983	Nam	Thái Nguyên	7.4	8.0	9.0	8.5	8.0	Giỏi	0
16	Đặng Thị	Huệ	22/02/1990	Nữ	Bắc Kạn	7.2	7.0	8.3	7.7	7.5	Khá	0
17	Phạm Thị	Huệ	22/08/1989	Nữ	Bắc Kạn	6.4	6.5	8.0	7.3	6.9	Trung bình khá	5
18	Trịnh Thị	Hồng	06/03/1988	Nữ	Thái Nguyên	6.7	8.0	9.3	8.7	7.7	Khá	4
19	Võ Thị Lan	Hồng	05/11/1972	Nữ	Thái Nguyên	7.4	8.0	8.5	8.3	7.9	Khá	0

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTK	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Trình thi lại
							LT	TH	TBTN			
20	Đông Thị Thu	Hồng	04/09/1984	Nữ	Thái Nguyên	6.9	6.0	9.5	7.8	7.4	Khá	4
21	Vi Quốc	Huy	06/06/1992	Nam	Cao Bằng	6.9	6.5	8.2	7.4	7.2	Khá	0
22	Ma Thị Thu	Huyền	02/01/1980	Nữ	Thái Nguyên	7.4	7.0	9.3	8.2	7.8	Khá	0
23	Phạm Văn	Huỳnh	16/07/1986	Nam	Bắc Giang	7.2	8.5	8.5	8.5	7.9	Khá	0
24	Phạm Thị Thanh	Lan	08/12/1993	Nữ	Sơn La	7.2	8.0	9.0	8.5	7.9	Khá	0
25	Lê Ngọc	Lan	30/03/1992	Nam	Bắc Giang	7.4	8.5	9.0	8.8	8.1	Giỏi	0
26	Nguyễn Thị Mai	Liên	03/11/1990	Nữ	Thái Nguyên	7.3	7.5	9.3	8.4	7.9	Khá	0
27	Hoàng Thị	Liên	20/02/1992	Nữ	Bắc Kạn	6.7	8.0	9.2	8.6	7.7	Khá	0
28	Nguyễn Thị Đông	Liều	15/09/1992	Nữ	Thái Nguyên	7.4	8.5	9.0	8.8	8.1	Giỏi	0
29	Nguyễn Văn	Linh	18/07/1992	Nam	Yên Bái	6.5	6.5	9.3	7.9	7.2	Khá	5
30	Đỗ Thị Kiều Khánh	Linh	24/04/1982	Nữ	Thái Nguyên	7.3	7.0	9.3	8.2	7.8	Khá	0
31	Nguyễn Tiến	Mạnh	20/11/1986	Nam	Bắc Giang	7.4	8.0	7.5	7.8	7.6	Khá	0
32	Ma Thị	Mơ	08/11/1990	Nữ	Thái Nguyên	7.5	8.5	8.0	8.3	7.9	Khá	0
33	Đông Phương	Nam	24/02/1983	Nam	Kiên Giang	7.4	9.0	9.0	9.0	8.2	Giỏi	0
34	Hà Thị	Ngân	31/03/1982	Nữ	Bắc Kạn	6.8	8.0	7.5	7.8	7.3	Khá	0
35	Ma Thị	Nhung	09/09/1989	Nữ	Bắc Kạn	6.7	8.5	7.0	7.8	7.3	Khá	0
36	Nông Thanh	Sơn	04/12/1990	Nam	Thái Nguyên	7.2	7.5	7.5	7.5	7.4	Khá	4
37	Nguyễn Văn	Thái	25/08/1989	Nam	Thái Nguyên	7.9	8.5	7.5	8.0	8.0	Giỏi	0
38	Lương Thu	Thảo	20/10/1988	Nữ	Thái Nguyên	7.4	7.5	7.5	7.5	7.5	Khá	0
39	Trần Thị Mến	Thông	22/03/1990	Nữ	Thái Nguyên	7.4	8.5	7.0	7.8	7.6	Khá	0
40	Trần Thị	Thông	09/07/1993	Nữ	Thái Nguyên	7.0	9.0	7.0	8.0	7.5	Khá	0
41	Phạm Thị Hồng	Thúy	04/08/1986	Nữ	Thái Nguyên	7.4	8.0	7.5	7.8	7.6	Khá	0
42	Nguyễn Thị	Thùy	23/09/1978	Nữ	Thái Nguyên	7.0	7.5	9.0	8.3	7.7	Khá	0
43	Nguyễn Thị ánh	Thùy	27/07/1992	Nữ	Bắc Giang	7.3	8.5	7.6	8.1	7.7	Khá	0
44	Lâm Thị	Tiêm	17/06/1988	Nữ	Thái Nguyên	7.0	7.5	8.5	8.0	7.5	Khá	0
45	Nông Văn	Tiếp	01/09/1987	Nam	Bắc Kạn	7.3	7.5	8.5	8.0	7.7	Khá	0
46	Phạm Thị	Trang	05/09/1984	Nữ	Thái Nguyên	7.4	8.0	8.5	8.3	7.9	Khá	0

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTK	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Trình thi lại
							LT	TH	TBTN			
47	Quách Thị Huyền	Trang	05/08/1987	Nữ	Thái Nguyên	7.3	8.5	8.5	8.5	7.9	Khá	4
48	Vũ Thị	Trang	13/02/1988	Nữ	Tuyên Quang	7.3	7.5	9.5	8.5	7.9	Khá	0
49	Nguyễn Thị Huyền	Trang	20/01/1990	Nữ	Thái Nguyên	6.8	7.0	7.8	7.4	7.1	Khá	0
50	Phan Thị	Tràng	20/10/1983	Nữ	Nghệ An	6.8	8.0	8.0	8.0	7.4	Khá	0
51	Nông Mạnh	Trung	17/08/1991	Nam	Lạng Sơn	6.7	7.5	8.2	7.9	7.3	Khá	0
52	Nguyễn Văn	Tuấn	19/10/1991	Nam	Tuyên Quang	7.2	8.0	8.2	8.1	7.7	Khá	0
53	Phạm Văn	Tuyền	01/01/1989	Nam	Nam Định	7.2	9.0	8.0	8.5	7.9	Khá	0
54	Hoàng Thị	Xuyến	04/11/1973	Nữ	Bắc Kạn	6.8	7.0	8.5	7.8	7.3	Khá	0
55	Nguyễn Thị	Xuyến	07/03/1986	Nữ	Hà Tây	6.8	8.5	9.0	8.8	7.8	Khá	0
56	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	08/06/1991	Nữ	Thái Nguyên	7.3	7.5	7.8	7.7	7.5	Khá	0
57	Nguyễn Thị	Kiên	30/03/1983	Nữ	Thanh Hoá	7.0	7.0	9.3	8.2	7.6	Khá	0

(Danh sách này có: 57 học sinh)

Ngày tháng 01 năm 2015
T/M HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CHỦ TỊCH

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Nguyễn Minh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG
ThS. Hoàng Anh Tuấn